

DANH SÁCH - BẢNG ĐIỂM THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN NGÀY 26/07/2025
PHÒNG THI B203B - GIỜ THI: 18H00

STT	HỌ TÊN LÓT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
1	Ngô Minh	Phúc	15/11/2002	TP. HCM	22211OT1753	CD22OT6	69	46	370	190	560	B203B
2	Nguyễn Lưu Trọng	Phúc	16/02/2003	Đồng Nai	20211QT0695	CD20QT4	64	44	340	175	515	B203B
3	Trương Văn	Phúc	15/08/2003	Trà Vinh	22211OT0505	CD22OT1	44	30	210	90	300	B203B
4	Nguyễn Hoàng	Phúc	01/04/2005	Đồng Nai	23211OT3636	CD23OT16	37	38	170	140	310	B203B
5	Võ Quốc Minh	Phụng	25/05/2002	Phú Yên	20211OT2403	CD20OT4	43	31	200	95	295	B203B
6	Phan Ngọc	Phước	28/04/2004	Ninh Thuận	22211DH3206	CD22DH5	45	77	215	380	595	B203B
7	Nguyễn Thị Nam	Phuong	27/10/2004	Nghệ An	23211QT1357	CD23QT1	46	50	220	215	435	B203B
8	Huỳnh Thị Kim	Phượng	08/04/2004	Bình Định	23211LG0350	CD23LG1	43	23	200	45	245	B203B
9	Trần Thị Thu	Phượng	22/03/2003	Tiền Giang	22211KD0519	CD22KD1	44	68	210	325	535	B203B
10	Nguyễn Công	Quân	04/12/2003	Gia Lai	22211OT3640	CD22OT17	36	28	165	80	245	B203B
11	Nguyễn Hồng	Quân	28/02/2002	Đắk Lắk	21211DK4192	CD21DK2	29	36	125	125	250	B203B
12	Trần Minh	Quân	10/08/2004	TP. HCM	22211OT2919	CD22OT11	40	30	185	90	275	B203B
13	Đặng Nhật	Quang	02/11/2003	Long An	22211KD0236	CD22KD1	42	40	195	150	345	B203B
14	Nguyễn Văn	Quý	28/06/2004	Bình Định	22211LD2459	CD22LD1	42	24	195	50	245	B203B
15	Trần Tiến	Quốc	13/07/2003	Bình Định	22211DK3647	CD22DK2	32	26	140	65	205	B203B
16	Chu Văn Bảo	Quý	30/10/2003	Bình Phước	21211OT4704	CD21OT17	VẮNG					B203B
17	Nguyễn Tú	Quyên	07/10/2004	Cà Mau	22211KS3565	CD22KS1	31	30	135	90	225	B203B
18	Lê Văn	Quyển	24/04/2004	Lâm Đồng	22211OT0697	CD22OT7	35	82	160	405	565	B203B
19	Nguyễn Quốc	Quyên	05/05/2004	Quảng Ngãi	22211DK3656	CD22DK2	39	20	180	30	210	B203B
20	Lê Kha Như	Quỳnh	26/04/2005	Khánh Hòa	23211LG2163	CD23LG2	38	28	175	80	255	B203B

STT	HỌ TÊN LỚT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
21	Trần Thị Như	Quỳnh	16/04/2004	Thừa Thiên Huế	22211QS1179	CD22QS1	48	40	240	150	390	B203B
22	Nguyễn Hồng	Sang	27/07/2004	Quảng Ngãi	22211TD3850	CD22TD1	49	36	245	125	370	B203B
23	Trương Ngọc	Sĩ	31/05/2004	Bình Định	22211DC3048	CD22DC3	39	37	180	130	310	B203B
24	Nguyễn Hồng	Son	08/01/2004	Bình Dương	22211DD2996	CD22DD2	31	40	135	150	285	B203B
25	Phan Văn	Son	03/01/1999	Nghệ An	22211DH4915	CD22DH1	32	39	140	145	285	B203B
26	Lê Văn	Sự	07/07/2004	Bình Định	22211OT1516	CD22OT7	37	46	170	190	360	B203B
27	Nguyễn Tấn	Tài	13/05/2004	Tiền Giang	22211TT2439	CD22TT4	42	46	195	190	385	B203B
28	Nguyễn Tấn	Tài	07/06/2000	Bình Định	23211OT4699	CD23OT22	45	33	215	110	325	B203B
29	Nguyễn Lưu Minh	Tâm	15/11/2001	Kiên Giang	22211DL2437	CD22DL2	42	86	195	425	620	B203B
30	Phan Thành	Tâm	29/08/2003	Đồng Nai	21211OT2345	CD21OT6	39	59	180	265	445	B203B
31	Nguyễn Thị	Tân	01/05/2003	Thanh Hóa	22211KT2360	CD22KT2	43	42	200	165	365	B203B
32	Lê Sinh	Tân	08/10/2003	Quảng Ngãi	21211DD3148	CD21DD1	52	41	260	160	420	B203B
33	Phạm Duy	Tân	15/05/2004	TP. HCM	22211DC1883	CD22DC1	55	42	280	165	445	B203B
34	Huỳnh Văn	Thái	20/08/2003	Quảng Ngãi	21211OT0819	CD21OT9	50	34	250	115	365	B203B
35	Hồ Xuân	Thái	22/12/2003	Đắk Lắk	21211CD2180	CD21CD1	66	51	350	220	570	B203B
36	Võ Minh	Thái	04/08/2004	Kiên Giang	22211LD2057	CD22LD1	54	41	275	160	435	B203B
37	Nguyễn Thị	Thắm	02/07/2002	Bình Định	20211LG3008	CD20LG2	41	28	190	80	270	B203B
38	Nguyễn Thị Nguyệt	Thắm	20/01/2005	Bình Định	23211LG1862	CD23LG2	48	31	240	95	335	B203B
39	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	11/09/2004	Bình Định	23211LH0375	CD23LH1	47	0	230	5	235	B203B

STT	HỌ TÊN LỚT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
40	Hàn Quang	Thân	26/12/2004	Bình Định	22211DH1314	CD22DH1	74	58	400	260	660	B203B
41	Trương Phước	Thắng	23/06/2004	Ninh Thuận	23211QT1749	CD23QT1	46	39	220	145	365	B203B
42	Nguyễn Thành	Thắng	12/10/2003	Phú Yên	21211LG1433	CD21LG2	46	37	220	130	350	B203B
43	Huỳnh Thị Phương	Thanh	20/04/2005	Quảng Nam	24211LG0206	CD24LG3	43	40	200	150	350	B203B
44	Huỳnh Ngọc	Thanh	27/03/2004	TP. HCM	22211QT4363	CD22QT4	41	37	190	130	320	B203B
45	Ngô Đức	Thành	17/01/2003	Đắk Lắk	22211DH0096	CD22DH2	41	49	190	210	400	B203B